

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

DAY-HỌC CÂU CẢM THÁN TIẾNG HÀN CHO NGƯỜI VIỆT: KHẢO SÁT TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ THU HIỀN*

TÓM TẮT: Với chức năng biểu đạt đa dạng nhiều cung bậc tình cảm, cảm xúc, câu cảm thán được người Hàn Quốc sử dụng tương đối nhiều trong đời sống hàng ngày. Tuy nhiên thực trạng cho thấy các tài liệu tham khảo chuyên sâu về câu cảm thán tiếng Hàn chưa nhiều và câu cảm thán tiếng Hàn cũng chưa được đưa ra một cách bài bản, sâu rộng trong sách giáo khoa hoặc giáo dục phổ thông. Do đó, người học tiếng Hàn đôi khi sử dụng câu cảm thán sai ngữ pháp hoặc không đúng ngữ cảnh. Trước thực trạng đó, nghiên cứu này tiến hành khảo sát tình hình sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn của người học Việt Nam và đề xuất một số phương pháp giảng dạy dựa trên kết quả điều tra đó. Nghiên cứu góp phần phát hiện những lỗi sai mà người học tiếng Hàn thường mắc phải trong quá trình sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn và đưa ra những phương pháp dạy và học tiếng Hàn hiệu quả.

TỪ KHOA: câu cảm thán; tiếng Hàn; người học Việt Nam; hiện trạng sử dụng; phương án giáo dục.

NHẬN BÀI: 12/04/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/05/2023

1. Đặt vấn đề

1.1. Câu cảm thán là loại câu được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp của người Hàn Quốc nhờ chức năng biểu đạt đa dạng các loại cảm xúc như vui, buồn, giận hờn, ngạc nhiên,... Đặc biệt, người Hàn Quốc có xu hướng thích thể hiện cảm xúc của mình thông qua ngôn từ, vì vậy có thể thấy câu cảm thán xuất hiện rất nhiều trong các cuộc trò chuyện hàng ngày của người Hàn. Tuy nhiên, các giáo trình tiếng Hàn đang được sử dụng tại các trường đại học ở Việt Nam có trình bày câu cảm thán nhưng chỉ sơ lược, thậm chí, trong giáo dục phổ thông cũng ít đề cập đến các phương tiện biểu thị cảm thán hay các chức năng ngữ dụng đa dạng của câu cảm thán,... Do đó, người học tiếng Hàn tại Việt Nam gặp không ít khó khăn trong việc sử dụng câu cảm thán trong giao tiếp thực tế với người Hàn Quốc. Việc sử dụng hiệu quả, chính xác câu cảm thán là chìa khóa để đảm bảo sự trôi chảy trong việc sử dụng tiếng Hàn. Vì thế, giáo dục về câu cảm thán tiếng Hàn là hoàn toàn cần thiết.

Bài viết này tiến hành khảo sát tình hình sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn của người học Việt Nam và đề xuất phương pháp giảng dạy nhằm mục đích giúp người dạy và người học có cái nhìn thực tế, khách quan về các lỗi sai thường gặp trong quá trình sử dụng câu cảm thán và từ đó tìm ra được phương pháp dạy và học câu cảm thán tiếng Hàn hiệu quả.

1.2. Liên quan đến nghiên cứu về câu cảm thán tiếng Hàn, phần lớn các nghiên cứu đều tập trung vào các vĩ tố kết thúc câu dạng cảm thán và các từ cảm thán. Nghiên cứu của Mi Ji Yi (2014) đã tiến hành phân loại câu cảm thán tiếng Hàn theo vĩ tố kết thúc câu và khảo sát về tần suất sử dụng của các vĩ tố kết thúc câu dạng cảm thán. Từ đó, Mi Ji Yi đã khái quát được đặc trưng của từng vĩ tố kết thúc câu dạng cảm thán về các phương diện: thời điểm nhận thức (지각 시점), thời điểm phát ngôn (발화 시점), sự tồn tại của người nghe (청자 전제).

Tiếp cận ở phạm vi hẹp hơn, Cho Yong-joon (2017) tập trung phân tích đặc điểm của vĩ tố cảm thán 어라 cũng như chỉ ra cách kết hợp của vĩ tố này với các động từ và tính từ để bày tỏ tình cảm, cảm xúc của người nói. Nghiên cứu của Cho Yong-joon cũng đã đưa ra các kiểu câu có thể sử dụng với vĩ tố -어라. Hong Chong-son (2017) đã tìm hiểu về câu cảm thán trong khẩu ngữ tiếng Hàn, cụ thể, khảo sát câu cảm thán xuất hiện trong 5 bộ phim truyền hình dài tập được chiếu trên tivi. Sau đó đã tiến hành phân tích tần suất xuất hiện của các vĩ tố mang sắc thái cảm thán và cho ra được kết quả

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: Hienk2ttpt@gmail.com

là: một số vĩ tố như -고요, -네, -지 được đưa vào giảng dạy trong chương trình học nhưng thực tế lại ít được sử dụng trong đời sống hàng ngày.

1.3. Từ thực tế trên, bài viết này tiến hành khảo sát tình hình sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn với đối tượng là sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN. Thông qua kết quả khảo sát, có thể nắm bắt được thực trạng sinh viên sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn; từ đó phân tích nguyên nhân và tìm ra giải pháp khắc phục, đề xuất những phương pháp giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn dành cho người học Việt Nam nói riêng.

2. Nội dung

2.1. Hiện trạng sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2.1.1. Đối tượng và phương pháp khảo sát

Khảo sát được thực hiện trực tuyến trong hai tuần vào tháng 7 năm 2022 thông qua Google form với tổng số 212 sinh viên, trong đó có 104 sinh viên năm thứ 3 và 108 sinh viên năm thứ 4.

2.1.2. Kết quả

1) Nhận thức chung của người học về câu cảm thán tiếng Hàn

Bảng 1. Khó khăn gặp phải khi sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn

Những khó khăn bạn gặp phải khi sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn là gì? (Có thể chọn nhiều đáp án)			
STT	Câu trả lời	Số người trả lời	Tỉ lệ %
1	Cấu trúc cú pháp của câu cảm thán tiếng Hàn khó	63	29,7
2	Phương tiện biểu hiện ý nghĩa cảm thán phức tạp	93	43,9
3	Không thể sử dụng câu cảm thán đúng bối cảnh	101	47,6
4	Không biết các chức năng ngữ dụng đa dạng của câu cảm thán tiếng Hàn	144	67,9

Nhận xét: có tới 144 SV (chiếm 67,9%) cho rằng, câu cảm thán tiếng Hàn khó vì họ không biết các chức năng ngữ dụng đa dạng của câu cảm thán tiếng Hàn. 47,6% SV cho rằng, câu cảm thán tiếng Hàn khó vì không biết sử dụng câu cảm thán phù hợp với bối cảnh. 43,9% SV cho rằng câu cảm thán trong tiếng Hàn khó vì phương tiện diễn đạt ý nghĩa cảm thán quá đa dạng và phức tạp. Trên thực tế, trong chương trình đào tạo tiếng Hàn trình độ đại học, SV chỉ được học các phương tiện biểu hiện cảm thán cơ bản như từ cảm thán, vĩ tố kết thúc câu dạng cảm thán, ngữ điệu cảm thán mà chưa được học các phương thức khác như ngữ cảm thán, biểu hiện phủ định, biểu hiện nghi vấn thể hiện ý nghĩa cảm thán,... Do đó, SV khi gặp các biểu hiện này thường khó nhận diện được đó là phương tiện biểu hiện cảm thán.

29,7% SV cho rằng câu cảm thán tiếng Hàn khó do cấu trúc cú pháp của câu cảm thán tiếng Hàn phức tạp. Nguyên nhân là do trong tiếng Hàn, các vĩ tố kết thúc câu dạng cảm thán đa dạng và vị trí của các thán từ, yếu tố cảm thán khá linh hoạt trong câu.

- Về tính cần thiết của việc mô hình hóa cấu trúc cú pháp câu cảm thán tiếng Hàn: 87,7% SV cho rằng, việc mô hình hóa cấu trúc cú pháp câu cảm thán tiếng Hàn khi dạy và học là vô cùng cần thiết. Sở dĩ như vậy là vì khi hình thành công thức cú pháp của câu cảm thán, người học dễ dàng vận dụng công thức cú pháp đó để sử dụng câu cảm thán chính xác.

- Về tính cần thiết của việc đối chiếu câu cảm thán tiếng Hàn với câu cảm thán tiếng Việt khi học: 92% SV cho rằng cần phải so sánh với câu cảm thán tiếng Việt khi học câu cảm thán tiếng Hàn.

2) Nhận thức của người học về các phương tiện biểu thị cảm thán trong tiếng Hàn

Khảo sát người học về các phương tiện biểu thị cảm thán trong tiếng Hàn cho thấy, từ cảm thán, phó từ, vĩ tố kết thúc câu dạng cảm thán là ba phương tiện biểu thị cảm thán được người học biết đến nhiều nhất. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 2. Nhận thức của người học về các phương tiện biểu thị cảm thán trong tiếng Hàn

Bạn biết những phương tiện biểu hiện cảm thán nào trong tiếng Hàn? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án)			
STT	Câu trả lời	Số người trả lời	Tỉ lệ %
1	Từ cảm thán (우와, 아이고, 이런,...)	195	92
2	Trợ từ cảm thán (~이나, ~도, ~요)	142	67
3	Phó từ (진짜, 정말,...)	198	93,4
4	Ngữ cảm thán (얼마나/ 어찌나/ 어떻게나...지)	147	69,3
5	Từ tục (빌어먹을, 제기랄,...)	43	20,3
6	Biểu hiện nghi vấn (얼마나/그렇게...냐/니?)	138	65,1
7	Ngữ điệu cảm thán	81	38,2
9	Vĩ tổ kết thúc câu dạng cảm thán (~네요, ~군요, ~구나,...)	186	87,7

Nhận xét: 93,4% SV biết đến phó từ là phương tiện biểu thị cảm thán. Lí do là vì, do ngay từ khi học tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, các phó từ xuất hiện rất nhiều trong các bài học. Trên thực tế, người Hàn rất hay sử dụng phó từ trong hội thoại hàng ngày để biểu cảm hay nhấn mạnh mức độ. Phương tiện biểu hiện cảm thán “từ cảm thán” đứng thứ hai với 92% và thứ ba là “vĩ tổ kết thúc câu dạng cảm thán” với 87,7%. Có thể khẳng định, từ cảm thán và vĩ tổ kết thúc câu dạng cảm thán là hai phương tiện biểu hiện trực tiếp ý nghĩa cảm thán. Hai yếu tố ngữ pháp này cũng được đưa vào giảng dạy nên phần lớn SV biết đến hai phương tiện biểu hiện cảm thán này. Phương tiện biểu hiện cảm thán ít được biết đến nhất trong tiếng Hàn là ngữ điệu cảm thán (38,2%) và từ tục (20,3%). Nguyên nhân là do hai phương tiện này ít được nhắc đến trong giáo trình tiếng Hàn.

3) Nhận thức của người học về chức năng ngữ dụng của câu cảm thán tiếng Hàn

Bảng 3. Nhận thức của người học về chức năng ngữ dụng của câu cảm thán tiếng Hàn

Bạn biết những chức năng ngữ dụng nào của câu cảm thán tiếng Hàn? (Có thể lựa chọn nhiều đáp án)			
STT	Câu trả lời	Số người trả lời	Tỉ lệ %
1	Từ chối	115	54,2
2	Đồng cảm	178	84
3	Yêu cầu	83	39,2
4	Khuyến nhủ	88	41,5
5	Mỉa mai	79	37,3
6	Cảm ơn	152	71,1
7	Trách cứ	69	32,5

Nhận xét: SV biết nhiều nhất là chức năng đồng cảm của câu cảm thán tiếng Hàn (84%). Điều này cho thấy, song hành cùng chức năng cảm thán, câu cảm thán tiếng Hàn còn được sử dụng rất nhiều để bày tỏ sự đồng cảm hoặc tìm kiếm sự đồng cảm của đối phương. Chức năng cảm ơn đứng thứ 2 với 71,7%. Nguyên nhân là do người Hàn Quốc có thói quen thường xuyên nói lời cảm ơn trong cuộc sống và câu cảm thán là một công cụ hiệu quả có chức năng thể hiện sự biết ơn. Có 54,2% SV biết đến chức năng từ chối của câu cảm thán tiếng Hàn. Trong giao tiếp hàng ngày, khi người Hàn Quốc từ chối một yêu cầu nào đó, họ không trực tiếp từ chối mà từ chối gián tiếp một cách lịch sự. Khi đó, người Hàn Quốc sử dụng chức năng từ chối của các câu cảm thán tiếng Hàn để thể hiện ý định từ chối. Một số chức năng ngữ dụng của câu cảm thán tiếng Hàn ít người học biết đến là: chức năng khuyến nhủ (41,5%), chức năng yêu cầu (39,2%), chức năng mỉa mai (37,3%), chức năng trách cứ (32,5%).

Để nắm bắt được thực trạng người học có biết cách sử dụng câu cảm thán đúng ngữ cảnh, tình huống hay không, chúng tôi đã xây dựng một số tình huống để người học lựa chọn câu cảm thán phù hợp. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Các lỗi sai của người học khi sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn

STT	Tình huống	Trả lời đúng	Trả lời sai
1	Trong số các câu cảm thán sau đây, câu nào có mức độ cảm thán mạnh nhất? <i>Tình huống 1: Mai lần đầu tiên nhìn thấy tuyết rơi</i> (1) 신기하네! (Thần kì quá!) (2) 우와, 정말 신기하네! (✓) (Whoa, thật sự thần kì quá đi!) (3) 우와, 신기하네! (Whoa, thần kì quá!) (4) 신기하다! (Thần kì!)	189 (89,2%)	23(10,8%)
2	Hãy chọn câu nói phù hợp trong tình huống dưới đây: <i>Tình huống 2: Một đồng nghiệp công ty nhờ bạn làm hộ báo cáo. Tuy nhiên bạn có việc bận nên không thể giúp và từ chối lời nhờ vả đó.</i> (1) 준영 씨, 저는 도와주지 않을게요. (Jun-young ơi, tớ không giúp cậu được đâu.) (2) 저도 해야 할 일이 많아요. 준영 씨가 스스로 하세요. (Tớ cũng có nhiều việc phải làm lắm. Jun-young tự làm đi nhé.) (3) 어떡해요? 저는 오늘 해야 할 일이 있어서 좀 어렵겠네요. (Làm thế nào được nhỉ? Hôm nay tớ có việc phải làm nên chắc là khó đây.) (✓) (4) 보고서 작성이 어렵네요. 저는 도와주지 못해요. (Viết báo cáo khó lắm. Tớ không giúp được đâu.)	196 (92,5%)	16 (7,5%)
3	Hãy chọn câu cảm thán không phù hợp trong tình huống dưới đây: <i>Tình huống 3: Bao lâu nay bạn vẫn nghĩ rằng Min-su là một người tốt. Tuy nhiên cho đến hôm nay, bạn phát hiện ra rằng Min-su không phải là người tốt như bạn nghĩ.</i> (1) 어머, 민수가 그런 사람이네. (Trời, thì ra Min-su là người như thế!) (2) 민수가 얼마나 나빠. (Min-su xấu xa biết bao!) (✓) (3) 민수가 왜 그렇게 나쁘냐. (Sao Min-su lại xấu xa thế nhỉ?) (4) 민수가 좋은 사람이 아니구나. (Thì ra Min-su không phải là người tốt!)	99 (46,7%)	113 (53,3%)

Nhận xét: SV vẫn còn mắc khá nhiều lỗi khi sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn, đặc biệt là lỗi ngữ pháp và chưa biết sử dụng câu cảm thán phù hợp với bối cảnh và tình huống giao tiếp. Số người trả lời sai trong tình huống (1) là 23 người (10,8%). Điều này cho thấy, vẫn còn nhiều người học sử dụng câu cảm thán mà không thực sự hiểu sắc thái cảm thán được thể hiện như thế nào thông qua các yếu tố cảm thán. 16/212 SV không sử dụng chính xác câu cảm thán trong tình huống (2). Lý do là vì,

sự khác biệt trong hành vi cảm thán của giữa người Hàn và người Việt. Cụ thể, người Hàn Quốc có xu hướng thích sử dụng câu cảm thán để thể hiện sự từ chối một cách khéo léo. Tuy nhiên, người Việt ít sử dụng câu cảm thán với mục đích từ chối, dù trực tiếp hay gián tiếp. Chính vì sự khác biệt này mà người Việt khi học tiếng Hàn thường gặp khó khăn trong việc sử dụng câu cảm thán.

Tình huống 3 có số câu trả lời sai cao nhất là 113 câu (53,3%) so với các câu còn lại. Lí do là vì tâm lí người học khi sử dụng một ngôn ngữ mới, họ thường có xu hướng tư duy theo tiếng mẹ đẻ rồi dịch lại.

2.2. Một số đề xuất phương pháp giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn

2.2.1. Mục tiêu của việc giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn

Larsen-Freeman (1991) cho rằng, khi giảng dạy ngữ pháp, phải đan xen dạy cả ba yếu tố là ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng vì ba yếu tố này có mối quan hệ tương hỗ, liên hệ chặt chẽ không thể tách rời. Trên cơ sở này, mục tiêu của việc giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn được xác lập là để người học hiểu chính xác các đặc điểm cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng của câu cảm thán tiếng Hàn và cải thiện kĩ năng giao tiếp của họ bằng cách sử dụng chúng theo tình huống giao tiếp thực tế. Cụ thể, khi dạy câu cảm thán tiếng Hàn cần giúp cho SV: 1/Nắm được đặc điểm hình thái - cú pháp của câu cảm thán và vận dụng sử dụng chính xác; 2/Nắm được chức năng ngữ nghĩa, ngữ dụng của câu cảm thán và nắm bắt chính xác dụng ý của người nói; 3/Sử dụng hợp lí câu cảm thán trong các tình huống, bối cảnh.

2.2.2. Một số đề xuất

Thứ nhất, ngay từ khi bắt đầu dạy câu cảm thán tiếng Hàn, cần giới thiệu toàn bộ hệ thống các phương tiện biểu hiện cảm thán thay vì chỉ dạy một hoặc hai phương tiện biểu thị ý nghĩa cảm thán trong tiếng Hàn. Phần giới thiệu khái quát cũng sẽ giúp người học hệ thống hóa các phương tiện biểu hiện ý nghĩa cảm thán và không bỏ lỡ khi học về sau.

Thứ hai, việc mô hình hóa cấu trúc cú pháp câu cảm thán tiếng Hàn khi giảng dạy ngữ pháp về câu cảm thán cũng là một phương pháp khá hiệu quả. Ví dụ, có thể mô hình hóa cấu trúc câu cảm thán tiếng Hàn như sau: “얼마나/ 어찌나/ 어떻게나 + 는/(으)ㄴ지 + tính từ chỉ cảm xúc”. Khi có mô hình này, người học có thể dễ dàng áp dụng công thức đó để viết hay nói câu cảm thán. Ngoài ra, việc học câu cảm thán theo cấu trúc cú pháp giúp người học có thể nắm được đặc điểm cấu trúc cú pháp cũng như vị trí của các yếu tố cảm thán so với thành phần nòng cốt câu. Bằng cách này, người học có thể dễ dàng tiếp cận cũng như vận dụng hơn để sử dụng được câu cảm thán đúng ngữ pháp.

Thứ ba, cần tăng cường giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn thông qua các ngữ cảnh cụ thể. Như đã đề cập ở trên, khi dạy và học một ngoại ngữ, ngữ pháp - ngữ nghĩa - ngữ dụng là ba yếu tố không thể tách rời. Ba yếu tố này có quan hệ mật thiết với nhau nên khi dạy ngữ pháp về câu cảm thán tiếng Hàn phải đi kèm với dạy về ý nghĩa và ngữ cảnh. Cụ thể, giáo viên sẽ đưa ra một tình huống cụ thể, và dạy cho người học biết trong tình huống ấy, có thể sử dụng các loại câu cảm thán nào, câu cảm thán nào là phù hợp và tự nhiên nhất. Đồng thời, mức độ, sắc thái cảm thán của mỗi loại câu sẽ khác nhau nên người dạy cần nhấn mạnh về điều này với người học, để người học có thể sử dụng câu cảm thán phù hợp, đúng mục đích. Ngoài chức năng cảm thán, câu cảm thán tiếng Hàn còn được sử dụng để thực hiện những mục đích ngữ dụng khác nhau. Do đó, người dạy cũng cần làm rõ cho người học thấy được mục đích ngữ dụng nào đang được sử dụng trong một bối cảnh cụ thể.

Thứ tư là phương pháp giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn thông qua sự so sánh, đối chiếu với câu cảm thán tiếng Việt. Có thể khẳng định, câu cảm thán tiếng Hàn và câu cảm thán tiếng Việt có khá nhiều điểm tương đồng về phương tiện biểu thị cảm thán, đặc điểm cú pháp, ngữ nghĩa hay ngữ dụng. Vì vậy, khi dạy và học câu cảm thán tiếng Hàn nên so sánh, đối chiếu với câu cảm thán tiếng Việt sẽ dễ hiểu và dễ nhớ hơn. Việc chỉ ra các điểm tương đồng giữa câu cảm thán tiếng Hàn và câu cảm thán tiếng Việt sẽ khiến người học cảm thấy dễ hiểu, dễ tiếp thu và có hứng thú học tập hơn. Điều này khiến cho hiệu quả học tập sẽ tăng lên rất nhiều so với việc học đơn thuần thông thường. Đồng thời, khi so sánh, đối chiếu và tìm ra sự khác biệt giữa câu cảm thán tiếng Hàn và câu cảm thán tiếng Việt, người học sẽ cảm thấy hứng thú, ấn tượng và nhớ lâu.

Thứ năm, ngoài việc giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn đơn thuần, cần kết hợp dạy cả văn hóa, lối sống, cách suy nghĩ, cách biểu đạt của người Hàn Quốc để người học hiểu sâu hơn về người Hàn cũng như có thể sử dụng câu cảm thán đúng đắn hơn. Người Hàn Quốc thích thể hiện cảm xúc bằng lời nói nên họ thường sử dụng câu cảm thán trong cuộc sống hàng ngày. Đặc biệt, có nhiều trường hợp người Hàn bộc lộ cảm xúc trực tiếp bằng cách sử dụng từ cảm thán nên kiểu câu cảm thán sử dụng từ cảm thán rất phổ biến trong tiếng Hàn. Ngoài ra, người Hàn Quốc là những người rất nhạy cảm nên trong nhiều trường hợp, họ không nói trực tiếp mà gián tiếp sử dụng các câu cảm thán để đưa ra yêu cầu, từ chối, quở trách,... Nếu người học biết được những đặc điểm văn hóa này, người học có thể dễ dàng học các câu cảm thán và sử dụng chính xác câu cảm thán trong đúng ngữ cảnh cũng như hiểu được ý đồ thực sự ẩn chứa đằng sau câu cảm thán trong những tình huống nhất định.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã tiến hành điều tra khảo sát về thực trạng sử dụng câu cảm thán tiếng Hàn của người học Việt Nam. Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn người học đều cảm nhận được tầm quan trọng của việc học câu cảm thán tiếng Hàn thông qua các phương pháp như cộng thức hóa cấu trúc cú pháp, so sánh đối chiếu với tiếng Việt, học thông qua tình huống cụ thể,... Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy thực trạng người học tiếng Hàn tại Việt Nam còn mắc khá nhiều lỗi sai khi sử dụng câu cảm thán. Dựa trên kết quả thu được, người viết đã tiến hành phân tích lỗi sai, tìm ra nguyên nhân và từ đó tiến hành đề xuất những giải pháp về phương pháp giảng dạy câu cảm thán tiếng Hàn hiệu quả để người học có cái nhìn đa chiều hơn, sử dụng câu cảm thán được chính xác, thành thạo và tự nhiên hơn. Đồng thời, bài viết cũng mới đề xuất được một vài phương pháp giảng dạy chung chung và chưa cụ thể hóa thành các mô hình bài giảng cụ thể. Đây chính là hạn chế ở bài viết này và cũng là hướng nghiên cứu tiếp theo trong thời gian tới của người viết.

** Bài viết này được tài trợ bởi Dự án trường đại học trọng điểm về Hàn Quốc học của Bộ Giáo dục và Dự án phát triển Hàn Quốc học thuộc Viện nghiên cứu Hàn Quốc học trung ương (AKS-2019-OLU-2250003); This work was supported by the Core University Program for Korean Studies of the Ministry of Education of the Republic of Korea and Korean Studies Promotion Service at the Academy of Korean Studies (AKS-2019-OLU-2250003).*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Koh Young-Gun & Nam Ki-sim (1985), *Ngữ pháp tiêu chuẩn tiếng Hàn*, Nxb Top, Seoul.
2. Na Chan-Yeon (2016), *Hiểu về ngữ pháp trong trường học*, Nxb Gyeong-Jin, Seoul.
3. Noh Dae-Kyu (1997), *Câu cảm thán tiếng Hàn*, Gukhakjaryowon.
4. Mi Ji Yi (2014), "Nghiên cứu giáo dục biểu hiện cảm thán trong tiếng Hàn", *Tạp chí Giáo dục tiếng Hàn*, số 25, tr.237-258.
5. Hong Chong-son (2017), "Biểu hiện cảm thán trong tiếng Hàn", *Tạp chí Văn học Hàn Quốc*, số 101, tr.37-59.

Current usage status and educational plans for exclamation sentences in Korean language for Vietnamese learners (With a focus on students of the University of Languages and International Studies - VNU)

Abstract: With the function of expressing various emotions and feelings, exclamation sentences are used relatively frequently by Koreans in daily life. However, the reality is that there are not many in-depth reference materials on Korean exclamation sentences, and they have not been systematically introduced in textbooks or general education. Therefore, Korean language learners sometimes use exclamation sentences with incorrect grammar or in inappropriate contexts. In light of this situation, this study investigates the situation of Korean exclamation sentence usage by Vietnamese learners and proposes teaching plans based on the survey results. This study contributes to identifying common mistakes that Korean language learners make when using exclamation sentences and provides effective teaching and learning plans for the Korean language.

Key words: exclamation sentences; Korean; Vietnamese learners; usage status; educational plans.